

1. Nói giờ theo hình vẽ :



2. Mô phỏng đặt câu theo mẫu dưới đây :

Mẫu : 六点半

起床

→我每天六点半起床。

差二十分十二点

吃午饭

十一点一刻

睡觉

晚上十点四十五

做练习

十二点

上课

下午三点

下课